

**Phụ lục I****DANH MỤC NGÀNH TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2020**

<b>TT</b>	<b>Ngành đào tạo</b>	<b>Hình thức tuyển sinh</b>	<b>Thời gian đào tạo<sup>1</sup></b>
1	Giáo dục Mầm non	Xét tuyển	4 năm
2	Giáo dục Tiểu học	Xét tuyển	
3	Sư phạm Toán	Xét tuyển	
4	Sư phạm Ngữ văn	Xét tuyển	
5	Sư phạm Hóa	Xét tuyển	
6	Sư phạm Sinh	Xét tuyển	
7	Sư phạm Địa	Xét tuyển	
8	Sư phạm Tiếng Anh	Xét tuyển	
9	Sư phạm Lịch sử	Xét tuyển	
10	Giáo dục thể chất	Xét tuyển	
11	Sư phạm Âm nhạc	Xét tuyển kết hợp thi tuyển môn năng khiếu	
12	Sư Phạm Mỹ thuật		
13	Quản lý văn hóa	Xét tuyển	
14	Công tác xã hội	Xét tuyển	
15	Luật	Xét tuyển	
16	Y tế công cộng	Xét tuyển	
17	Điều dưỡng	Xét tuyển	
18	Dinh dưỡng	Xét tuyển	
19	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Xét tuyển	
20	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Xét tuyển	
21	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Xét tuyển	
22	Kế toán	Xét tuyển	
23	Công nghệ thông tin	Xét tuyển	
24	Lâm sinh	Xét tuyển	
25	Quản lý đất đai	Xét tuyển	
26	Xây dựng cầu đường	Xét tuyển	

<sup>1</sup> Không tính thời gian học tiếng Việt.

<b>TT</b>	<b>Ngành đào tạo</b>	<b>Hình thức tuyển sinh</b>	<b>Thời gian đào tạo<sup>1</sup></b>
27	Cơ khí ô tô	Xét tuyển	
28	Điện Công nghiệp	Xét tuyển	
29	Quản trị logistics và vận tải đa phương thức	Xét tuyển	
30	Quản trị nguồn lực	Xét tuyển	
31	Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành	Xét tuyển	
32	Nuôi trồng thủy sản	Xét tuyển	
33	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển	
34	Công nghệ sinh học	Xét tuyển	
35	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Xét tuyển	
36	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Xét tuyển	
37	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Xét tuyển	
38	Kỹ thuật cơ khí	Xét tuyển	

**Appendix I****LIST OF THE UNDERGRADUATE MAJORS IN 2020**

<b>No</b>	<b>Training Majors</b>	<b>Enrollment form</b>	<b>Training time<sup>2</sup></b>
1	Preschool Education	Admission	4 years
2	Primary Education	Admission	
3	Mathematics Pedagogy	Admission	
4	Literature Pedagogy	Admission	
5	Chemistry Pedagogy	Admission	
6	Biology Pedagogy	Admission	
7	Geography Pedagogy	Admission	
8	English Language Pedagogy	Admission	
9	History Pedagogy	Admission	
10	Physical Education	Admission	
11	Music Pedagogy	Admission with gifted exam	
12	Art Pedagogy		
13	Cultural Management	Admission	
14	Social Work	Admission	
15	Law	Admission	
16	Public health	Admission	
17	Nursing	Admission	
18	Nutrition	Admission	
19	Rehabilitation Techniques	Admission	
20	Medical testing techniques	Admission	
21	Environmental Engineering Technology	Admission	
22	Accounting	Admission	
23	Information Technology	Admission	
24	Forestry	Admission	
25	Land Management	Admission	
26	Road Construction	Admission	
27	Automobile Mechanics	Admission	

---

<sup>2</sup> Excluding Vietnamese learning time

<b>No</b>	<b>Training Majors</b>	<b>Enrollment form</b>	<b>Training time<sup>2</sup></b>
28	Industrial Electricity	Admission	
29	Logistics Management and Multimodal Transport	Admission	
30	Human Resource Management	Admission	
31	Travel Service Managment	Admission	
32	Aquaculture	Admission	
33	Food Technology	Admission	
34	Biotechnology	Admission	
35	Electrical Technology - Electronics	Admission	
36	Automotive Engineering Technology	Admission	
37	Construction Engineering Technology	Admission	
38	Mechanical Engineering	Admission	

---